

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/DS-ST
Ngày: 31/7/2017
V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Hứng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Minh

2/ Bà Trần Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2017 về “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 493/2017/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **A** – **Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Sản xuất X.**

Đại diện theo ủy quyền: Bà **B** (Văn bản ủy quyền ngày 30/3/2017) – (Có mặt).

Cùng địa chỉ: đường N, phường M, quận P, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: 1/ Ông **C** (*Vắng mặt*).

2/ Bà **D** (*Vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: phường Q, quận H, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện nguyên đơn bà B trình bày:*

Vào ngày 30/9/2015, Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Sản xuất X (gọi tắt Doanh nghiệp X) có bán vật liệu xây dựng cho vợ chồng ông C, bà D để xây

dựng nhà gồm: Gạch men, cửa nhựa và các thiết bị vệ sinh với tổng số tiền là 36.576.000 đồng.

- Ngày 30/9/2015, vợ chồng ông C, bà D đã thanh toán cho Doanh nghiệp X số tiền 10.000.000 đồng.

- Ngày 26/12/2015, vợ chồng ông C, bà D tiếp tục thanh toán cho Doanh nghiệp X số tiền 15.000.000 đồng.

- Ngày 17/3/2016, vợ chồng ông C, bà D tiếp tục thanh toán cho Doanh nghiệp X số tiền 5.000.000 đồng.

Tổng cộng, ông C, bà D đã thanh toán cho Doanh nghiệp X là 30.000.000 đồng. Số tiền còn lại 6.576.000 đồng, nhiều lần Chủ doanh nghiệp X yêu cầu ông C, bà D thanh toán hết nhưng phía bị đơn cứ hẹn rồi né tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc ông C, bà D phải trả số tiền còn nợ là 6.576.000 đồng.

** Phía bị đơn ông C, bà D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến, do đó không thể hiện ý kiến về việc giải quyết vụ án.*

Tại phiên tòa,

Đại diện nguyên đơn trình bày, việc tính toán số tiền bị đơn còn nợ có sự sai sót, đồng thời bị đơn đã trả tiếp cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng nên chỉ yêu cầu buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền: 4.563.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án tuân theo pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định.

- Về giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện các bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền mua bán hàng hóa là 4.563.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông C, bà D với Doanh nghiệp X đã xác lập hợp đồng mua bán hàng hóa. Quá trình thực hiện giao dịch, ông C, bà D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng thỏa thuận nên nguyên đơn có đơn khởi kiện, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*” thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông C, bà D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hơn 02 lần nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt bị đơn) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào các Phiếu giao hàng mà nguyên đơn cung cấp thể hiện chữ ký người mua hàng là ông C, bà D. Vì vậy, có cơ sở cho rằng giữa Doanh nghiệp X với ông C, bà D đã xác lập hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng. Căn cứ vào Biên bản hòa giải ở cơ sở số 01/BB.HG/2016 ngày 22/9/2016 của Tổ hòa giải số 06 - Phường Cái Khế, thể hiện nguyên đơn yêu cầu ông C, bà D trả số tiền 6.563.000 đồng. Bị đơn ông C trình bày đồng ý trả nợ cho nguyên đơn nhưng đề nghị trả nợ hàng tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền đã thiếu kể từ ngày 22/9/2016. Như vậy, có cơ sở để khẳng định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 6.563.000 đồng.

Đối chiếu số tiền nợ theo Biên bản hòa giải ở cơ sở số 01/BB.HG/2016 nêu trên và số tiền nguyên đơn yêu cầu khởi kiện 6.576.000 đồng, HĐXX thấy rằng giữa 02 số tiền này là có sự chênh lệch. Đại diện nguyên đơn cho rằng việc sai lệch này xuất phát từ việc tính toán có sự sai sót. Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn xác định lại chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền là 6.563.000 đồng, đồng thời trong quá trình nguyên đơn khởi kiện thì phía bị đơn đã thanh toán tiếp cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền **4.563.000 đồng**.

Từ những phân tích trên cho thấy: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 4.563.000 đồng theo quy định tại Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005.

* Đối với việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nên phải chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, nhưng nguyên đơn không yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Với những viện dẫn nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên án phí giá ngạch bị đơn phải nộp là: 300.000 đồng. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005

- Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Sản xuất X.

Buộc bị đơn ông C, bà D trả cho nguyên đơn số tiền là 4.563.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn đồng*).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông C, bà D phải nộp 300.000 đồng.

Nguyên đơn được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 003207 ngày 14/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Húng

THẨM

Nơi nhận:

TÒA

- Đương sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Văn Hứng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
-CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

Phạm Thị Thiện
Thư

Đỗ Thị Lệ Hằng

Nguyễn Thị Trang

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Hôm nay, vào lúc giờ phút ngày 11 tháng 5 năm 2016.

Tại Phòng nghị án.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang Thu

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Nguyễn Thị Hồng

2/ Bà Trần Thị Thu Vân

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số: 106/2016/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2016.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử có ý kiến quyết định về từng vấn đề như sau:

1/ Về quan hệ pháp luật:

Xác định: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2/ Về tư cách tham gia tố tụng:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Lệ**, sinh năm: 1972

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Long Khánh, Thị trấn Trà lòng, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số 102/30A, Khu vực 6, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Hoàng Thanh**, sinh năm: 1978

Địa chỉ (theo xác nhận của Công an phường Hưng Lợi): Số 102/10B, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ (theo ghi nhận tại Bản tự khai của bị đơn): Số 102/10A, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3/ Về điều luật áp dụng:

Áp dụng: - Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 35, 92, 147 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 466 và 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4/ Về tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Lệ.

Buộc bị đơn ông Trần Hoàng Thanh trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Lệ số tiền là 24.100.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu một trăm ngàn đồng*).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Hoàng Thanh phải nộp 1.205.000 đồng (*Một triệu hai trăm lẻ năm ngàn đồng*).

Nguyên đơn được nhận lại 602.500 đồng (*Sáu trăm lẻ hai ngàn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 004356 ngày 26/01/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc lúc giờ phút cùng ngày.

Biên bản lập xong có đọc lại cho các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và thống nhất ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

.....

Nguyễn Thị Trang Thư

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Hôm nay, vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 27 tháng 5 năm 2016 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ – Địa chỉ: Số 61 Phan Đình Phùng, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Chúng tôi gồm:

1/ Bà Nguyễn Thị Trang Thư – Thẩm phán.

2/ Ông Nguyễn Minh Mẫn – Thư ký ghi biên bản.

Tiến hành làm việc với: Ông Trần Hoàng Thanh, sinh năm: 1978

Trú tại: Số 102/10A, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Với tư cách là: Bị đơn.

Trong vụ án “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” với nguyên đơn bà Trần Thị Lệ.

NỘI DUNG:

* Thẩm phán giải thích lý do của buổi làm việc.

Đương sự thống nhất.

Hỏi: Ông được xác định là bị đơn trong vụ án?

Đáp: Đúng.

H: Quá trình giải quyết, ông xác định về tình tiết sự việc liên quan như sau:

“Trước đây (trước ngày 01/01/2012), ông có mượn (vay không lãi) của chị ruột Trần Thị Lệ số tiền là 24.100.000 đồng (Hai mươi bốn triệu một trăm ngàn đồng), nhưng cho đến khoảng tháng 01/2014 ông mới làm Giấy nợ về số tiền trên (có ghi nhận lùi thời điểm mượn/vay là ngày 01/01/2012 – theo yêu cầu của bà Lệ). Tuy nhiên, sau khi hứa hẹn nợ vào ngày 15/01/2014 thì ông đã trả nợ cho bà Lệ ngay sau đó khoảng 01 tháng (có sự chứng kiến của ông Hòa – Cảnh sát Khu vực 6)”?

Đ: Đúng.

H: Ông hãy cho biết: ông có vay/mượn tiền (vay không lãi) của bà Trần Thị Lệ hay không?

Đ: Có.

H: Giao dịch đã thực hiện như thế nào?

Đ: Như trình bày trong quá trình giải quyết, tôi có vay số tiền 24.100.000 đồng nhưng đã trả cho bà Lệ.

H: Trả vào ngày tháng năm nào? Khi trả nợ có lập văn bản ghi nhận sự việc hay không?

Đ: Trả khoảng sau 01 tháng kể từ khi hứa hẹn ngày 15/01/2016. Là chị em ruột nên chúng tôi không lập văn bản ghi nhận sự việc trả nợ, nhưng có sự chứng kiến của ông Hòa, Cảnh sát Khu vực 6.

H: Yêu cầu ông cung cấp họ tên, địa chỉ của ông Hòa?

Đ: Do ở địa phương chỉ thường gọi tên Hòa nên tôi biết họ tên đầy đủ. Tôi cam đoan cung cấp trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản này.

* Thẩm phán phân tích, giải thích về việc được xác định với tư cách người làm chứng (nếu có) theo quy định pháp luật.

H: Ngoài ra, ông có trình bày gì thêm hay không?

Đ: Không.

Đương sự cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có gian dối thì xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Biên bản kết thúc vào lúc 10 giờ 15 phút cùng ngày, đương sự tự đọc lại và thống nhất ký tên.

Đương sự

Người tiến hành làm việc
Thư ký Thẩm phán

Thư

Nguyễn Minh Mẫn Nguyễn Thị Trang

BIÊN BẢN HÒA GIẢI

Hôm nay, ngày 27 tháng 5 năm 2016 vào hồi 08 giờ 30 phút tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bắt đầu tiến hành phiên hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*" thụ lý số: 106/2016/TLST-HN ngày 09 tháng 5 năm 2016.

I. NHỮNG NGƯỜI TIẾN HÀNH TỔ TỤNG:

- *Thẩm phán - Chủ trì phiên hòa giải:* Bà Nguyễn Thị Trang Thu
- *Thư ký ghi Biên bản hòa giải:* Ông Nguyễn Minh Mẫn

II. NHỮNG NGƯỜI THAM GIA PHIÊN HÒA GIẢI:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Lệ**, sinh năm: 1972

Trú tại: Số 102/30A, Khu vực 6, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Hoàng Thanh**, sinh năm: 1978

Trú tại: Số 102/10A, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên hòa giải)

PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU PHIÊN HÒA GIẢI

- Thư ký Tòa án báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên hòa giải đã được Tòa án thông báo.

- Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải kiểm tra lại sự có mặt và căn cước của những người tham gia phiên hòa giải.

- Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải phổ biến cho các đương sự biết các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các bên liên quan liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình; phân tích hậu quả pháp lý của việc hòa giải thành để họ tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƯƠNG SỰ

*** Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ trình bày:**

Vào ngày 01/01/2012, bà có cho ông Trần Hoàng Thanh mượn (vay không lãi) với số tiền là 24.100.000 đồng (Hai mươi bốn triệu một trăm ngàn đồng); rồi Thanh hẹn lại ngày 15/01/2014 sẽ trả nhưng vẫn không trả nên bà có

đề nghị chính quyền địa phương giải quyết, theo đó Thanh hứa thực hiện nghĩa vụ trả nợ vào ngày 25/6/2014. Vì tình nghĩa chị em ruột nên tôi đã tạo điều kiện, nhưng Thanh lại cố tình chiếm dụng số tiền nên tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- 1/ Buộc Trần Hoàng Thanh trả cho bà số tiền 24.100.000 đồng;
- 2/ Buộc Trần Hoàng Thanh trả cho con bà tên Nguyễn Chí Tâm 01 Giấy phép lái xe hạng A2.

*** Bị đơn ông Trần Hoàng Thanh trình bày:**

Trước đây (trước ngày 01/01/2012), ông có mượn (vay không lãi) của chị ruột Trần Thị Lệ số tiền là 24.100.000 đồng (Hai mươi bốn triệu một trăm ngàn đồng), nhưng cho đến khoảng tháng 01/2014 ông mới làm Giấy nợ về số tiền trên (có ghi nhận lùi thời điểm mượn/vay là ngày 01/01/2012 – theo yêu cầu của bà Lệ). Tuy nhiên, sau khi hứa hẹn nợ vào ngày 15/01/2014 thì ông đã trả nợ cho bà Lệ ngay sau đó khoảng 01 tháng (có sự chứng kiến của ông Hòa – Cảnh sát Khu vực 6).

Vì vậy với các yêu cầu khởi kiện của bà Lệ, ông có từng ý kiến như sau:

- 1/ Không đồng ý với yêu cầu của bà Lệ đòi số tiền 24.100.000 đồng (vì đã trả rồi);
- 2/ Về Giấy phép lái xe hạng A2 của Nguyễn Chí Tâm (con bà Lệ) là do Tâm điều khiển xe vi phạm Luật giao thông nên bị phạt hành chính và tạm giữ Giấy phép lái xe nên không thuộc trách nhiệm của tôi.

Sau khi lắng nghe lời trình bày của các đương sự thì Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải đã giải thích trên cơ sở pháp luật.

- *Nguyên đơn:* Tự nguyện rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về “Buộc Trần Hoàng Thanh trả cho con bà tên Nguyễn Chí Tâm 01 Giấy phép lái xe hạng A2”.

- *Bị đơn:* Thống nhất việc tự nguyện rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về “Buộc Trần Hoàng Thanh trả cho con tôi tên Nguyễn Chí Tâm 01 Giấy phép lái xe hạng A2” của nguyên đơn.

**NHỮNG NỘI DUNG NHỮNG NGƯỜI THAM GIA PHIÊN HÒA GIẢI
ĐÃ THỎA THUẬN ĐƯỢC VÀ KHÔNG THỎA THUẬN ĐƯỢC:**

Không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

**NHỮNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THEO YÊU CẦU
CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM GIA PHIÊN HÒA GIẢI**

Không sửa đổi, bổ sung.

Phiên hòa giải kết thúc vào hồi 09 giờ 15 phút, cùng ngày. Các đương sự đã được nghe đọc biên bản và thống nhất ký tên.

**Thẩm phán – Chủ trì
phiên hòa giải**
giải

**Thư ký Tòa án
ghi biên bản hòa giải**

**Các đương sự
tham gia phiên hòa**

KẾ HOẠCH HỎI

*** Hỏi nguyên đơn bà Trần Thị Lệ:**

H: Là nguyên đơn, tại phiên tòa hôm nay, bà có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện hay không?

H: Bà hãy cho biết: Cho đến khi trước phiên tòa này diễn ra, các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không?

H: Bà trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp?

H: Giao dịch vay tiền của các đương sự được thực hiện như thế nào?

H: Số tiền vay là bao nhiêu?

Vay vào ngày tháng năm nào?

Vay bằng hình thức gì? Có lập thành văn bản hay không?

H: Bị đơn cho rằng: khoản vay này trước ngày 01/01/2012, đúng không?

Theo bị đơn, đã trả đủ số tiền này cho bà khoảng sau 01 tháng kể từ thời điểm hứa hẹn nợ (ngày 15/01/2014) – có sự chứng kiến của ông Hòa, Cảnh sát Khu vực 6. Có sự việc này không?

H: Cho đến lúc nào yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải?

H: Theo bà, tại sao bị đơn lại có ý kiến về sự việc như vậy?

H: Ngoài ra, bà còn trình bày gì thêm không?

*** Hỏi bị đơn bà Vương Mỹ Khanh:**

H: Bà có nghe rõ lời trình bày của phía nguyên đơn không?

H: Như phía nguyên đơn trình bày, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đúng không?

H: Do bà có Luật sư nên phần trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn và chứng cứ để chứng minh cho ý kiến đó là có căn cứ và hợp pháp do Luật sư đảm nhận.

Cần thiết thì bị đơn có quyền bổ sung.

Mời Luật sư.

H: Bà có thống nhất phần trình bày của Luật sư hay không?

Có bổ sung gì thêm không?

H: Theo phía bị đơn, không thừa nhận có giao dịch vay tiền với nguyên đơn?

H: Bà hãy cho biết: bà có nhận số tiền 1.501.760.000 đồng từ nguyên đơn bà Đặng Nguyễn Tiểu My hay không?

Nhận tiền thông qua hình thức gì? Tiền mặt, chuyển khoản Ngân hàng hay hình thức nào khác?

Như vậy, bà nhận số tiền này, xuất phát từ việc gì?

H: Tài khoản số 039.100.268999.9 mở tại Vietcombank Tây Đô có phải là tài khoản cá nhân của bà hay không?

H: Các đương sự có từng giao dịch tiền với nhau hay không?

Giao dịch thời gian nào? Bao nhiêu lần? Bằng hình thức gì?

Có tài liệu, giấy tờ thể hiện cho các giao dịch tiền đó hay không?

H: Khi ứng trước tiền, thì hai bên ghi nhận điều này bằng hình thức gì? (bằng văn bản hay lời nói?)

H: Sự việc bà thường đại diện Cty Nhựa Miền Tây ứng trước tiền cọc cho phía Cty Thống Nhất, có ai biết và chứng kiến hay không?

* Hôm nay, bà Nguyễn Kim Chung cũng có mặt tại phiên tòa.

Chút nữa, Tòa sẽ hỏi để làm rõ một số tình tiết có liên quan.

H: Đồng thời, quá trình giải quyết, phía bị đơn cung cấp các tài liệu, gồm:

1/ Hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT/2011 ngày 21/12/2011;

2/ Bảng báo giá ngày 16/12/2011;

3/ Hóa đơn giá trị gia tăng các ngày 24/11/2009, 30/12/2009, 31/3/2010, 04/5/2010, 12/7/2010, 14/7/2010, 24/01/2011, 14/5/2012 và 07/11/2012;

4/ Các ủy nhiệm chi số 221211.J949.0015, 221211.J949.0016, 221211.J949.0017, 221211.J949.0018 cùng ngày 22/12/2011.

H: Theo bị đơn, các tài liệu trên thể hiện cho điều gì trong vụ án này?

H: Bà hãy cho biết: tại Hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT/2011 ngày 21/12/2011, 02 Công ty đã giao kết về vấn đề gì?

Theo Hợp đồng thì 02 Công ty đã thỏa thuận như thế nào về quá trình giao dịch? Về giá trị Hợp đồng? Về thời hạn Hợp đồng? Về phương thức thanh toán? Và giải quyết tranh chấp (nếu có)?

H: Thực tế, 02 Công ty đã thực hiện Hợp đồng này ra sao?

Đã hoàn thành Hợp đồng hay chưa?

Nếu đã hoàn thành thì hoàn thành như thế nào?

Hợp đồng thực hiện đến đâu thì phát sinh tranh chấp?

H: Theo chính bà trình bày: với mỗi Hợp đồng thì bà thường ứng trước tiền cọc cho phía Công ty Cơ điện Thống Nhất và sau khi thanh quyết toán cho Hợp đồng thì phía Cty Cơ điện Thống Nhất (có bà My đại diện) chuyển trả tiền cọc cho bà?

H: Tiền cọc được ứng theo tỉ lệ như thế nào? Theo giá trị Hợp đồng hay sao?

H: Với mỗi Hợp đồng thì cho đến khi nào sẽ thực hiện việc thanh quyết toán?

H: Theo bà, các Hóa đơn giá trị gia tăng và các Ủy nhiệm chi phục vụ cho Hợp đồng nào?

H: Theo các Ủy nhiệm chi có ghi nhận “Ứng trước theo HĐKT số 09/HĐKT/2011 ngày 21/12/2011”?

Bà có biết: tổng số tiền ứng trước là bao nhiêu không? 1.970.800.000 đồng.

Ủy nhiệm chi được thực hiện giữa ai với ai?

H: Bà hãy cho biết: tài khoản số 039.100.268999.9 mở tại Vietcombank Tây Đô là tài khoản của ai? Có phải của cá nhân bà không?

H: Công ty Nhựa Miền Tây có tài khoản giao dịch không?

H: Tại sao liên quan đến ứng trước tiền cọc (nếu có) xuất phát từ giao dịch của 02 Công ty, sao không lấy tài khoản của Công ty để giao dịch?

*** Tiếp tục hỏi nguyên đơn:**

H: Có đúng sự việc như bị đơn trình bày về việc phía bị đơn thường ứng trước tiền cọc cho Công ty nơi nguyên đơn làm việc và sau mỗi lần thanh quyết toán Hợp đồng thì nguyên đơn chuyển trả tiền cọc cho bị đơn, đúng không?

H: Theo các tài liệu do phía bị đơn cung cấp, thực tế có thể hiện về 02 Công ty (có nguyên đơn và bị đơn làm việc) có mối quan hệ làm ăn, đúng không?

H: Vậy, theo nguyên đơn các tài liệu này thể hiện cho điều gì?

H: Thực tế, theo các Ủy nhiệm chi có ghi nhận “Ứng trước theo HĐKT số 09/HĐKT/2011 ngày 21/12/2011” là như thế nào?

Tòa sẽ hỏi người làm chứng để làm rõ từ lời trình bày của bị đơn.

*** Hỏi người làm chứng bà Nguyễn Kim Chung:**

H: Bà có biết nguyên đơn bà Đặng Nguyễn Tiểu My, bị đơn bà Vương Mỹ Khanh hay không?

H: Bà có quan hệ như thế nào với nguyên đơn bà Đặng Nguyễn Tiểu My, với bị đơn bà Vương Mỹ Khanh?

Giữa các đương sự có mâu thuẫn gì với nhau hay không?

H: Bà biết gì về giao dịch liên quan giữa bà My và bà Khanh?

H: Bà nhận thay tiền cho bà Khanh vào thời gian nào? Liên quan đến khoản tiền gì?

Nhận thay bao nhiêu lần? Mỗi lần bao nhiêu tiền?

H: Bà hãy cho biết: theo Giấy nhận nợ mỗi lần thể hiện điều gì? Có ghi nhận việc bà Khanh đại diện cho Cty Nhựa Miền Tây và bà My đại diện cho Cty Cơ điện Thống Nhất thanh quyết toán liên quan đến số tiền ứng trước đó hay không?

H: Bà có biết sự việc: bà Khanh thường đại diện cho Cty Nhựa Miền Tây ứng trước tiền cọc cho phía Cty Cơ điện Thống Nhất (có bà My đại diện nhận). Và sau khi quyết toán Hợp đồng thì bà My chuyển trả lại cho bà Khanh các khoản tiền cọc đã nhận trước đó hay không?

Nếu diễn biến khác,

Công bố lời khai (theo Biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2015).

H: Tại sao lại có sự không thống nhất giữa lời khai?

H: Bà hãy xác định: lời khai nào là đúng? Điều nào là sự thật?

Tại sao lại thay đổi?

H: Bà có biết nghĩa vụ trung thực trong lời khai về tình tiết mà mình biết hay không?

H: Ngoài ra, bà có muốn trình bày gì thêm hay không?

*** Tiếp tục hỏi bị đơn Vương Mỹ Khanh:**

H: Bà có nghe rõ lời khai của bà Nguyễn Kim Chung không?

H: Bà hãy cho biết: Bà Chung là Kế toán Cty Nhựa Miền Tây, đúng không?

Bà có quan hệ như thế nào với bà Chung? Giữa bà với bà Chung có mâu thuẫn gì với nhau không?

Bà Chung có tham gia trong giao dịch giữa phía bà với bà My hay không?

Công bố: Lời khai của bà Nguyễn Kim Chung.

Bà có ý kiến gì về lời khai của bà Chung không?

Theo bà, tại sao với người làm chứng (do bà yêu cầu) lại có lời khai như vậy?

Ở góc độ bà cảm nhận: lời khai của bà Chung có vô tư khách quan hay không?

Nếu không vô tư khách quan thì xuất phát từ việc gì dẫn đến điều này?

Bà Chung còn công tác tại Cty Nhựa Miền Tây hay không?

Tại Cty Nhựa, bà đảm nhận chức vụ gì?

H: Ngoài ra, bà còn trình bày gì thêm không?

* Riêng, đối với sự việc bà Vương Mỹ Khanh ứng trước tiền cọc cho ông Lộc – Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Cơ điện Thống Nhất (theo lời trình bày của bà Khanh, nếu có) mà cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm thì bà Khanh có quyền khởi kiện thành vụ án khác.